

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Tên ngành: Phát triển nông thôn

Mã ngành: 9620116

1	<b>Tên ngành đào tạo</b> <i>(Tiếng Việt và Anh)</i>	Phát triển nông thôn Rural development
2	<b>Mã ngành</b>	9620116
3	<b>Đơn vị quản lý</b> <i>(ghi Bộ môn và Khoa)</i>	Bộ môn Kinh tế - Xã hội và Chính sách, Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long
4	<b>Các ngành dự thi</b>	
4.1	<b>Ngành đúng, phù hợp</b> <i>(không học bổ sung kiến thức)</i>	Phát triển nông thôn
4.2	<b>Ngành gần</b> <i>(học bổ sung kiến thức)</i>	Khoa học cây trồng, Kinh tế nông nghiệp, Quản trị kinh doanh, Chăn nuôi, Bảo vệ thực vật, Khoa học đất, Hệ thống nông nghiệp, Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý kinh tế.
5	<b>Mục tiêu đào tạo</b>	<p>- Mục tiêu chung:</p> <p>Chương trình đào tạo Tiến sĩ ngành Phát triển nông thôn, được xây dựng theo định hướng nghiên cứu, trang bị cho nghiên cứu sinh kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về phân tích kinh tế, xã hội và sinh thái nông nghiệp nông thôn nhằm đào tạo được nguồn nhân lực chất lượng cao trong qui hoạch, xây dựng, quản lý và đánh giá các vấn đề liên quan phát triển nông thôn ở Đồng bằng sông Cửu Long và Việt Nam.</p> <p>- Mục tiêu cụ thể</p> <p>a) Trang bị cho nghiên cứu sinh các nguyên lý và các quy luật phát triển kinh tế, xã hội, môi trường và định chế trong nông nghiệp - nông thôn nhằm xây dựng nền tảng cho phát triển bền vững;</p> <p>b) Cung cấp cho nghiên cứu sinh kiến thức nâng cao về chính sách phát triển nông thôn, chính sách quản lý tài nguyên và môi trường, phát triển nguồn nhân lực, phát triển và nâng cấp chuỗi giá trị;</p> <p>c) Hướng dẫn nghiên cứu sinh phát triển kỹ năng phân tích kinh tế và chính sách nông nghiệp và nông thôn, tài nguyên và môi trường, chuỗi giá trị; đánh giá tồn thương và nâng cao sinh kế; và quản lý dự án;</p> <p>d) Hướng dẫn nghiên cứu sinh phát triển kỹ năng tham gia, quản lý và lãnh đạo, đặc biệt trong thực hiện các dự án tổng hợp đa ngành hay giải quyết các vấn đề có nhiều bên liên quan;</p> <p>đ) Hướng dẫn nghiên cứu sinh phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học và quản lý tiến trình nghiên cứu cùng với chất</p>

		<p>lượng sản phẩm khoa học và tham gia giảng dạy sau đại học;</p> <p>e) Nâng cao tinh thần làm việc trung thực và trách nhiệm của nghiên cứu sinh; và hướng dẫn nghiên cứu sinh phát triển thái độ làm việc độc lập, tự chủ trong khoa học, học tập suốt đời, tư duy và tinh thần phản biện khoa học;</p> <p>g) <b>Ngoại ngữ:</b> Nghiên cứu sinh tự nâng cao kiến thức ngoại ngữ.</p>
6	<b>Chuẩn đầu ra</b>	
6.1	<b>Kiến thức</b>	<p><b>Kiến thức chuyên ngành</b></p> <p>a) Năm vững các lý thuyết nâng cao về kinh tế, xã hội, môi trường và định chế trong nông nghiệp nông thôn;</p> <p>b) Năm vững kiến thức chuyên sâu về chính sách phát triển nông thôn, chính sách quản lý tài nguyên và môi trường, phát triển nguồn nhân lực, phát triển và nâng cấp chuỗi giá trị nông sản;</p> <p>c) Năm được kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và quản lý chất lượng sản phẩm khoa học về phát triển nông nghiệp – nông thôn;</p> <p>d) Năm được kiến thức cốt lõi, nền tảng trong sử dụng các công cụ phân tích kinh tế, đánh giá chuỗi giá trị nông sản, lượng giá tài nguyên và môi trường, đánh giá tồn thương, quản lý các dự án phát triển nông nghiệp nông thôn.</p>
6.2	<b>Kỹ năng</b>	<p>a) Phân tích chính sách nông nghiệp và nông thôn, hiệu quả sử dụng tài nguyên môi trường, chuỗi giá trị nông sản chủ lực, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao;</p> <p>b) Đánh giá tồn thương và khả năng thích ứng của hệ thống, sinh kế hay nhóm kinh tế - xã hội đối với các tác động từ tự nhiên (đặc biệt là biến đổi khí hậu) hay thay đổi kinh tế xã hội;</p> <p>c) Xây dựng, quản lý và đánh giá các chương trình, dự án phát triển nông nghiệp - nông thôn nhằm hướng đến tính hiệu quả và bền vững;</p> <p>d) Quản lý và lãnh đạo, đặc biệt trong thực hiện các dự án tông hợp đa ngành hay giải quyết các vấn đề có nhiều bên liên quan;</p> <p>d) Tổ chức nghiên cứu khoa học và quản lý tiến trình nghiên cứu cùng với chất lượng sản phẩm khoa học, xuất bản phẩm về phát triển nông nghiệp và nông thôn và tham gia giảng dạy sau đại học;</p>
6.3	<b>Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân</b>	<p>a) Quản lý và làm việc nhóm, quan tâm phối hợp đa ngành, phối hợp tích cực với các bên liên quan;</p> <p>b) Thể hiện tinh thần làm việc trung thực và trách nhiệm;</p> <p>c) Độc lập trong làm việc, tự chủ trong khoa học, tôn trọng sự thật khách quan, tư duy và tinh thần phản biện khoa học;</p> <p>d) Thể hiện tinh thần học tập suốt đời; chủ động sáng tạo, thích ứng với sự thay đổi.</p>
6.4	<b>Ngoại ngữ trong quá trình học tập, nghiên</b>	Học viên tự học nâng cao trình độ ngoại ngữ

	<b>cứu</b>	
7	<b>Đã tham khảo CTĐT</b>	<p>- CTĐT Tiến sĩ Phát triển Nông thôn của Trường Đại học Central Luzon (PhD in Rural Development of Central Luzon State University); địa chỉ website: <a href="https://ugpo.clsu.edu.ph/graduate%20programs.php">https://ugpo.clsu.edu.ph/graduate%20programs.php</a></p> <p>- CTĐT Tiến sĩ Phát triển Cộng đồng của Trường Đại học Quốc gia Philippines (PhD in Community Development of University of the Philippines LosBanos); địa chỉ website: <a href="https://www.uplbgraduateschool.org/academic-programs/phd-community-development-cd/">https://www.uplbgraduateschool.org/academic-programs/phd-community-development-cd/</a></p>

### **Chương trình đào tạo chi tiết**

**Tổng số tín chỉ:** 90 TC cho người tốt nghiệp thạc sĩ; 120 TC cho người tốt nghiệp đại học.

**Thời gian đào tạo:** 3 năm.

**Một số hướng nghiên cứu:**

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, chức danh Khoa học Người có thể hướng dẫn Nghiên cứu sinh	Số lượng NCS có thể tiếp nhận
1	Phân tích hiệu quả sản xuất, tiêu thụ và lợi thế cạnh tranh của các nông sản chủ yếu ở DBSCL		2
2	Phát triển thị trường nông sản trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế		1
3	Giải pháp vốn cho phát triển nông nghiệp và nông thôn ở DBSCL		1
4	Phát triển thị trường tín dụng nông thôn		1
5	Chương trình tín dụng nông thôn và đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của chương trình trong sản xuất nông nghiệp.	PGS.TS. Dương Ngọc Thành PGS.TS. Mai Văn Nam	1
6	Phân tích hiệu quả kinh tế của sử dụng các nguồn lực trong sản xuất nông nghiệp	PGS.TS. Võ Thành Danh	1
7	Phát triển đa dạng hóa ngành nghề và thu nhập cho hộ nông dân ở DBSCL.	PGS.TS. Lưu Thanh Đức Hải	1
8	Nghiên cứu phát triển các dịch vụ hỗ trợ cho sản xuất nông nghiệp ở DBSCL	PGS.TS. Lê Cảnh Dũng PGS.TS. Nguyễn Phú Sơn	1
9	Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng liên kết vùng nhằm khai thác tiềm lực địa phương		1
10	Phân tích chuỗi giá trị của các ngành hàng nông sản chủ yếu ở DBSCL		1
11	Dánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh của các bệnh viện vùng DBSCL		1
12	Dánh giá thực trạng và hiệu quả chợ truyền thống và hệ thống siêu thị vùng DBSCL		1
13	Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến cơ cấu sản xuất nông nghiệp ở DBSCL	PGS.TS. Dương Ngọc Thành	1
14	Các yếu tố ảnh hưởng đến sử dụng hiệu quả	PGS.TS. Mai Văn Nam	1

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, chức danh Khoa học Người có thể hướng dẫn Nghiên cứu sinh	Số lượng NCS có thể tiếp nhận
	nguồn lực trong sản xuất nông nghiệp		
15	Dánh giá tác động môi trường đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh nông nghiệp ở DBSCL	PGS.TS. Võ Thành Danh PGS.TS. Lê Cảnh Dũng PGS.TS. Nguyễn Hiếu Trung TS. Đặng Kiều Nhân	1
16	Hiệu quả kinh tế và giảm ô nhiễm trong nuôi trồng thủy sản	GS.TS. Võ Quang Minh PGS.TS. Lê Văn Khoa	1
17	Lượng giá kinh tế về sử dụng tài nguyên và môi trường trong sản xuất kinh doanh nông nghiệp ở DBSCL	GS. TS Lê Quang Tri PGS.TS. Lê Tấn Lợi PGS.TS. Nguyễn Hữu Chiếm PGS.TS. Văn Phạm Đăng Trí	1
18	Phân tích chính sách bảo vệ rừng/khu bảo tồn/dất ngập nước ở DBSCL		1
19	Dánh giá hiệu quả kinh tế-xã hội của các khu du lịch sinh thái ở DBSCL		1
20	Sản xuất lúa 3 vụ và vấn đề độ phi đất đai ở DBSCL		1
21	Theo dõi diễn biến của phù sa theo thời gian ngập lũ ở DBSCL bằng ảnh viễn thám tương quan đến đặc tính hóa lý của đất		1
22	Dánh giá các nguồn tài nguyên đất đai và đề xuất các giải pháp quản lý bền vững		1
23	Giải pháp chính sách phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, tiêu thụ công nghiệp DBSCL		1
24	Nghiên cứu hoàn thiện thể chế, chính sách nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngành hàng nông sản chủ yếu ở DBSCL		1
25	Nghiên cứu hoàn thiện các thể chế, chính sách thị trường nhằm phát triển nông nghiệp - nông thôn	PGS.TS. Nguyễn Văn Sánh PGS.TS. Mai Văn Nam	1
26	Dánh giá kết quả thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp của địa phương vùng DBSCL	PGS.TS. Võ Thành Danh PGS.TS. Dương Ngọc Thành	1
27	Dánh giá thực trạng và giải pháp triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, tiêu thụ công nghiệp DBSCL	PGS.TS. Lê Khương Ninh PGS.TS. Lê Cảnh Dũng PGS.TS. Nguyễn Phú Sơn TS. Võ Văn Tuấn TS. Phạm Công Hữu	1
28	Nghiên cứu xây dựng chính sách nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp nông nghiệp và HTX nông nghiệp trong môi trường hội nhập		1
29	Những vấn đề phát triển liên quan đến sử dụng nguồn lực, môi trường, dân số nông thôn, tác động của biến đổi khí hậu		1
30	Phân tích ảnh hưởng của chính sách đến hiệu quả kinh tế các mặt hàng nông sản chủ yếu		1
31	Phân tích lợi thế cạnh tranh của địa phương trong sản xuất các nông sản chủ yếu		1
32	Phân tích lợi thế cạnh tranh, lợi thế so sánh của các nông sản xuất khẩu chủ yếu		1
33	Quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa		1
34	Cơ chế, tổ chức và chính sách phát triển cảnh		1

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, chức danh Khoa học Người có thể hướng dẫn Nghiên cứu sinh	Số lượng NCS có thể tiếp nhận
	đồng mẫu lớn DBSCL		
35	Liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa gạo vùng DBSCL	PGS.TS. Nguyễn Văn Sánh	
36	Phân tích chính sách và chiến lược việc làm cho lao động nông thôn DBSCL	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Đệ	
37	Tác động về mặt xã hội của việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở DBSCL	PGS.TS. Nguyễn Duy Cần	
38	Vai trò của tổ chức xã hội và khuyến nông trong phát triển nông nghiệp và nông thôn	PGS.TS. Đào Ngọc Cảnh	1
39	Tính tôn thương trong nông nghiệp và sinh kế	PGS.TS. Nguyễn Phú Sơn	
40	Đánh giá sự phát triển mối quan hệ doanh nghiệp trong tổ chức khuyến nông vùng DBSCL.	PGS.TS. Lê Cảnh Dũng	
41	Nghiên cứu thực trạng chuyển giao công nghệ của các trường Đại học đến địa phương	TS. Nguyễn Hồng Tín	1
42	Nghiên cứu các yếu tố tác động đến sự tham gia của dân số nông thôn ( <i>Rural Population</i> ) trong các dự án đô thị hóa nông thôn	TS. Võ Văn Tuấn	
43	Các yếu tố giới, dân tộc thiểu số, người nghèo ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn ở nông thôn	TS. Nguyễn Thanh Bình	1
44	Sinh kế và giảm nghèo cho cộng đồng dân tộc Khmer vùng DBSCL	TS. Phạm Công Hữu	
45	Phân tích nghèo và chính sách xóa đói giảm nghèo đa chiều ở nông thôn DBSCL	TS. Trần Thị Phụng Hà	1
46	Phân tích nhu cầu lao động nông thôn trong bối cảnh cơ giới hóa nông nghiệp ở DBSCL		1
47	Đánh giá hiệu quả đào tạo nghề nông thôn đến đời sống và thu nhập người dân vùng nông thôn DBSCL		1
48	Thực trạng và giải pháp đào tạo nghề phục vụ cho công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn	PGS.TS. Dương Ngọc Thành	
49	Chuyển dịch lao động trong tiến trình đô thị hóa vùng DBSCL	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Đệ	1
50	Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho phát triển nông thôn ở DBSCL	PGS.TS. Nguyễn Văn Sánh	
51	Thực trạng và giải pháp đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng sự phát triển kinh tế-xã hội vùng DBSCL	PGS.TS. Nguyễn Phú Sơn	
52	Đánh giá vai trò của đội ngũ tri thức và các biện pháp nhằm xây dựng đội ngũ tri thức đáp ứng nhu cầu của sự nghiệp đầy mạnh CNH-HĐH vùng DBSCL	PGS.TS. Nguyễn Duy Cần	1
53	Tác động của phát triển hệ thống sản xuất nông nghiệp đến bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và phát triển nông thôn	TS. Nguyễn Hồng Tín	
54	Giải pháp sử dụng đất nông nghiệp cho phát	TS. Võ Văn Tuấn	1
		TS. Nguyễn Thanh Bình	
		TS. Phạm Công Hữu	1
		TS. Trần Thị Phụng Hà	
		TS. Đặng Kiều Nhân	1

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, chức danh Khoa học Người có thể hướng dẫn Nghiên cứu sinh	Số lượng NCS có thể tiếp nhận
	triển nông thôn và thích ứng với thay đổi môi trường	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Đệ PGS.TS. Nguyễn Duy Càn	
55	Các giải pháp thủy lợi thích hợp cho phát triển nông nghiệp và thủy sản DBSCL	PGS.TS. Dương Ngọc Thành PGS.TS. Nguyễn Hiếu Trung	1
56	Phát triển đa dạng sinh học trong sản xuất nông nghiệp	PGS.TS. Văn Phạm Đăng Trí PGS.TS. Lê Anh Tuấn	1
57	Nghiên cứu giống và kỹ thuật canh tác thích hợp cho các vùng sinh thái	TS. Vũ Anh Pháp PGS.TS. Huỳnh Quang Tín	1
58	Phát triển hệ thống nông nghiệp đa mục tiêu và phát triển nông thôn bền vững	TS. Cao Quốc Nam TS. Nguyễn Hồng Tín TS. Nguyễn Thanh Bình	2
59	Qui hoạch tài nguyên nước phục vụ phát triển DBSCL và thích ứng với biến đổi khí hậu	TS. Nguyễn Thanh Bình	1
60	Xây dựng các mô hình canh tác bền vững trên nền đất lúa vùng DBSCL		2
61	Phát triển hệ thống canh tác lúa bền vững trong biến đổi khí hậu	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Đệ	1
62	Nghiên cứu thay đổi khả năng sản xuất nông hộ trồng lúa DBSCL	TS. Vũ Anh Pháp PGS.TS. Dương Ngọc Thành	1
63	Các mô hình, hệ thống canh tác thích nghi ở DBSCL (tưới ngập khô xen kẽ, tiết kiệm nước, sinh thái và thân thiện môi trường)	PGS.TS. Huỳnh Quang Tín TS. Đăng Kiều Nhân TS. Nguyễn Hồng Tín TS. Nguyễn Thanh Bình	1
64	Cải thiện hiệu quả và quản lý bền vững tài nguyên nông nghiệp bao gồm đất, nước, cây trồng, vật nuôi và kỹ thuật canh tác	TS. Nguyễn Thanh Bình	1
65	Phân tích hiện trạng và dự đoán chiến lược sinh kế của nông dân vùng DBSCL dưới tác động của BĐKH và phát triển thủy điện ở thượng nguồn		1
66	Xây dựng qui trình và sản xuất và tiêu thụ một số mặt hàng cây ăn trái vùng DBSCL	TS. Đăng Kiều Nhân PGS.TS. Lê Cảnh Dũng	1
67	Phân tích mối quan hệ giữa hệ thống sản xuất nông nghiệp với nghèo và an ninh lương thực ở vùng nông thôn DBSCL	TS. Nguyễn Hồng Tín TS. Võ Văn Tuấn TS. Trần Thị Phụng Hà TS. Nguyễn Thanh Bình	1
68	Hiệu quả và tính bền vững kinh tế, xã hội và môi trường của các mô hình nông lâm kết hợp ở DBSCL (tôm-rừng, tràm-lúa-thủy sản, cây ăn trái-màu)		1
69	Liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa gạo vùng DBSCL		1
70	Qui hoạch phát triển nông nghiệp, hệ thống sản xuất nông nghiệp		1
71	Dánh giá, qui hoạch sử dụng đất nông nghiệp đa tiêu chí, kết hợp liên ngành, nhiều lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường	TS. Đăng Kiều Nhân PGS.TS. Huỳnh Quang Tín TS. Vũ Anh Pháp	1
72	Ứng dụng công cụ, hệ thống hỗ trợ quyết định trong nông thôn (phần mềm GIS, Cropwat, DSSAT, Lingo, AHP)	TS. Nguyễn Hồng Tín TS. Nguyễn Thanh Bình	1

**Đề cương nghiên cứu:** Theo kế hoạch tập trung của Trường

## Phần 1: Học phần bổ sung

1.1. Có bằng đại học ngành phù hợp: học các học phần sau:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	Học kỳ thực hiện
<b>Phần kiến thức chung (4TC)</b>									
1	ML606	Triết học	4	x		60			I,II
<i>Công: 4 TC (Bắt buộc 4 TC; Tự chọn: 0 TC)</i>									
<b>Phần kiến thức cơ sở (12TC)</b>									
2	PDP624	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	x		20	20		I,II
3	PD601	Nguyên lý phát triển nông thôn	2	x		20	20		I,II
4	PDP621	Chính sách nông nghiệp nông thôn	3	x		30	30		I,II
5	PDP601	Kinh tế nông nghiệp ứng dụng và quản trị trang trại	3	x		30	30		I,II
6	KTN600	Phân tích rủi ro trong nông nghiệp	2	x		30			I,II
<i>Công: 12 TC (Bắt buộc 12 TC; Tự chọn: 0 TC)</i>									
<b>Phần kiến thức chuyên ngành (14TC)</b>									
7	PD605	Xã hội học nâng cao	2	x		20	20		I,II
8	KT607	Kinh tế tài nguyên và môi trường	3	x		30	30		I,II
9	PDP623	Phân tích chuỗi giá trị nông sản	3	x		30	30		I,II
10	PDP610	Phát triển nông nghiệp bền vững và ANLT	3	x		30	30		I,II
11	PDP605	Đánh giá tồn thương và nâng cao sinh kế	3	x		30	30		I,II
<i>Công: 14 TC (Bắt buộc 14 TC; Tự chọn: 0 TC)</i>									
<b>Tổng cộng</b>			<b>30</b>	<b>30</b>	<b>0</b>				

1.2. Có bằng thạc sĩ ngành gần: học bổ sung những học phần sau đây:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học kỳ thực hiện
1	PDP624	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	x		20	20		I,II
2	PD601	Nguyên lý phát triển nông thôn	2	x		20	20		I,II
3	PDP605	Đánh giá tồn thương và nâng cao sinh kế	3	x		30	30		I,II
4	PD605	Xã hội học nâng cao	2	x		20	20		I,II
<b>Tổng cộng</b>			<b>9</b>	<b>9</b>					

## Phần 2: Các học phần trình độ tiến sĩ, các chuyên đề và bài tiểu luận tổng quan

### 2.1. Các học phần trình độ tiến sĩ:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học kỳ thực hiện
1	PD901	Thống kê kinh tế xã hội nâng cao	2	x		20	20		I,II
2	PD903	Chính sách phát triển nông thôn	2	x		30			I,II
3	PD906	Quản lý tài nguyên và nông nghiệp bền vững	2	x		30			I,II
4	NN954	Phân tích, đánh giá số liệu và viết báo cáo khoa học	2		x	30			I, II
5	PD902	Phát triển nguồn nhân lực	2		x	30			I,II
6	PD912	Định chế và tổ chức phát triển nông thôn	2		x	30			
7	PD913	Chính sách phát triển vùng và địa phương	2		x	30			I,II
8	PD914	Quản lý dự án	2		x	30			I,II
9	PD915	Nông nghiệp công nghệ cao	2		x	30			I,II
10	PD916	Quản lý mâu thuẫn	2		x	30			I,II
<b>Tổng cộng</b>			<b>10</b>	<b>6</b>	<b>4</b>				

### 2.2. Các chuyên đề tiến sĩ (6TC)

- Số chuyên đề: 2
- Tổng số tín chỉ 2 chuyên đề: 6 TC
- Thời gian thực hiện:
  - + Chuyên đề 1: Năm thứ 1
  - + Chuyên đề 2: Năm thứ 2

### 2.3. Bài tiểu luận tổng quan (3TC)

- Thời gian thực hiện: Năm thứ 2

## Phần 3: Nghiên cứu khoa học, báo cáo khoa học, ngoại ngữ, thực hiện nhiệm vụ NCS và hoàn thành luận án tiến sĩ (70TC – theo khung định mức đính kèm)

- 3.1 Nghiên cứu khoa học: Năm thứ 3 hoặc 4
- 3.2 Luận án tiến sĩ: Năm thứ 3 hoặc 4

BAN GIÁM HIỆU  
HIỆU TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG KH&ĐT  
CHỦ TỊCH

Cần Thơ, ngày 31 tháng 12 năm 2019  
VIỆN TRƯỞNG



Hà Thanh Toàn

Lê Việt Dũng

Đặng Kiều Nhân

**Khung khối lượng tín chỉ (TC) trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ**

TT	Các nội dung chính	Định mức (TC)	Số lượng	Bắt buộc (TC)	Tự chọn (TC)	Tổng TC	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Nội dung 1 và 2</b>			<b>14-16</b>	<b>4-6</b>	<b>20</b>	
1	<b>Nội dung 1: Học phần (HP) trình độ tiến sĩ</b>	2-3 TC/HP	<b>3-6</b> HP	<b>5-7</b>	<b>4-6</b>	<b>11</b>	<b>4-6 2-5</b>
2	<b>Nội dung 2: Tiêu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ</b>		<b>3</b>	<b>9</b>		<b>9</b>	
2.1	Tiêu luận tổng quan	3	1	3		3	
2.2	Chuyên đề tiến sĩ	3	2	6		6	
<b>II</b>	<b>Nội dung 3: Nghiên cứu</b>			<b>50</b>	<b>20</b>	<b>70</b>	
3	<b>Bài báo khoa học (ít nhất 2 bài báo)</b>		<b>2</b>	<b>10</b>		<b>10</b>	
	<i>Tạp chí KH thuộc TC ISI-Scopus</i>	6	1	6			
	<i>Tạp chí KH nước ngoài có phản biện</i>	5	2	10			
	<i>Kỷ yếu quốc tế có phản biện</i>	5	2	10			
	<i>Tạp chí trong nước (theo danh mục TC Trường quy định cho NCS)</i>	4	1	4			
4	<b>Báo cáo hội nghị khoa học (trong nước/quốc tế)</b>	<b>2-4</b>	<b>1-3</b>		<b>7</b>	<b>7</b>	Tự chọn trong mục 4
4.1	Trong nước (tiếng Việt)						
	Oral	3					
	Poster	2					
4.2	Quốc tế (tiếng nước ngoài)						
	Oral	4					
	Poster	3					
5	<b>Seminar</b>	<b>0,25-2</b>	<b>4-11</b>		<b>5</b>	<b>5</b>	Tự chọn trong mục 5
5.1	Thuyết trình seminar	1	4				
5.2	Tham dự báo cáo chuyên đề, seminar	0,25	8				
5.3	Seminar về kết quả nghiên cứu toàn luận án trước bảo vệ cơ sở	2	1				
6	<b>Tham gia giảng dạy/hướng dẫn thực tập/luận văn ĐH</b>	<b>1-2</b>	<b>4-8</b>		<b>8</b>	<b>8</b>	Tự chọn trong mục 6
6.1	Luận văn đại học	2	1-3				
6.2	Giảng dạy, hướng dẫn thực tập		1-5				
7	<b>Luận án</b>			<b>40</b>		<b>40</b>	
7.1	Hoạt động nghiên cứu	30	1	30			
7.2	Báo cáo kết quả nghiên cứu cho NHD và BM theo tiến độ; hoàn chỉnh luận án	10		10			
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>64-66</b>	<b>24-26</b>	<b>90</b>	

